TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HUẾ**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 335/2026/QĐST-HNGĐ	Huế, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 330/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Cảnh Thái H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 29/5 Nguyễn Vịnh, thôn Khuông Phò Nam, xã Quảng Điền, thành phố Huế.

- Bà Trần Thị Lệ X, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 29/5 Nguyễn Vịnh, thôn Khuông Phò Nam, xã Quảng Điền, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X sau quá trình tìm hiểu nhau thì kết hôn. Ông H và bà X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Ủy ban nhân dân xã Quảng Điền, thành phố Huế) vào ngày 08/10/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống vợ chồng không còn H hợp khiến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nay mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần

Thị Lệ X có 03 (ba) con chung tên Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 12/11/2019; Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/9/2015 và Lê Diễm Quỳnh Anh, sinh ngày 16/01/2011.

Nay ông, bà thuận tình ly hôn, hai bên tự nguyện thỏa thuận như sau:

Giao cháu Lê Diễm Quỳnh Anh, sinh ngày 16/01/2011 cho bà Trần Thị Lệ X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Lê Cảnh Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 12/11/2019 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/9/2015 cho ông Lê Cảnh Thái H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C, cháu T lần lượt trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Lệ X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc Bảo C mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà X không phải cấp dưỡng đối với cháu Lê Ngọc Bảo T.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc thỏa thuận nuôi con của ông H và bà X là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về tài sản chung: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X công nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông H, bà X đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000170 ngày 13/7/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản H giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X có 03 (ba) con chung tên Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 12/11/2019; Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/9/2015 và Lê Diễm Quỳnh Anh, sinh ngày 16/01/2011.

Nay ông, bà thuận tình ly hôn, hai bên tự nguyện thỏa thuận như sau:

Giao cháu Lê Diễm Quỳnh Anh, sinh ngày 16/01/2011 cho bà Trần Thị Lệ X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Lê Cảnh Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 12/11/2019 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/9/2015 cho ông Lê Cảnh Thái H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C, cháu T lần lượt trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Lệ X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc Bảo C mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà X không phải cấp dưỡng đối với cháu Lê Ngọc Bảo T.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X công nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Lê Cảnh Thái H và bà Trần Thị Lệ X mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông H, bà X đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000170 ngày

13/7/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- Phòng THADS KV2 - Huế;
- UBND xã Q, TP-Huế;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê